

Trường THCS Hoàng Hoa Thám

ĐỀ CƯƠNG ÔN TẬP HỌC KỲ II – LỊCH SỬ VÀ ĐỊA LÝ 6

Năm học 2021- 2022

A. PHÂN MÔN ĐỊA LÝ

I. Kiến thức trọng tâm

1. Lớp đất trên Trái Đất và các nhóm đất chính

- Khái niệm:
- Thành phần của đất
- Các tầng của đất
- Các nhân tố hình thành đất
- Các nhóm đất chính:

2. Các đới thiên nhiên trên Trái Đất

(Phạm vi và đặc điểm)

3. Rừng nhiệt đới

(phân bố, cấu trúc và vai trò của rừng nhiệt đới)

4. Sự phân bố dân cư và các thành phố lớn trên thế giới.

II. Một số câu hỏi gợi ý

Câu 1: Cung cấp khoáng vật cho đất, tạo nên các tính chất vật lí, hóa học của đất là:

- A. đá mẹ.
- B. khí hậu.
- C. thực vật.
- D. động vật.

Câu 2: Cung cấp chất hữu cơ cho đất là:

- A. đá mẹ.
- B. nước.
- C. sinh vật.
- D. khí hậu.

Câu 3: Các thành phần chính của lớp đất là:

- A. Không khí, nước, chất hữu cơ và vô cơ.
- B. Cơ giới, không khí, chất vô cơ và mùn.
- C. Chất hữu cơ, nước, không khí và sinh vật.
- D. Nước, không khí, chất hữu cơ và độ phì.

Câu 4: Đặc điểm nào sau đây **không** đúng với thành phần hữu cơ trong đất?

- A. Thành phần quan trọng nhất của đất.
- B. Chiếm một tỉ lệ nhỏ trong lớp đất.
- C. Đá mẹ là sinh ra thành phần hữu cơ.
- D. Thường ở tầng trên cùng của đất.

Câu 5: Thành phần hữu cơ của lớp đất có đặc điểm nào sau đây?

- A. Chiếm một tỉ lệ lớn trong lớp đất.
- B. Thành phần quan trọng nhất của đất.
- C. Tồn tại ở giữa các khe hở của đất.
- D. Nằm ở tầng dưới cùng của lớp đất.

Câu 6: Loại đất nào sau đây thường được dùng để trồng cây công nghiệp lâu năm?

- A. Đất đỏ badan.
- B. Đất phù sa.

C. Đất cát pha.

D. Đất xám.

Câu 7: Loại đất nào sau đây thường được dùng để trồng cây lúa nước?

A. Đất phù sa.

B. Đất đỏ badan.

C. Đất feralit.

D. Đất đen, xám.

Câu 8: Công đoạn sản xuất nông nghiệp nào sau đây làm thay đổi tính chất đất nhiều nhất?

A. Cày bừa.

B. Làm cỏ.

C. Bón phân.

D. Gieo hạt.

Câu 9: Sự đa dạng của sinh vật được thể hiện ở sự đa dạng của

A. Số lượng loài.

B. Môi trường sống.

C. Nguồn cấp gen.

D. Thành phần loài.

Câu 10: Sinh vật trên Trái Đất tập trung chủ yếu ở

A. Đới ôn hòa và đới lạnh.

B. Xích đạo và nhiệt đới.

C. Đới nóng và đới ôn hòa.

D. Đới lạnh và đới nóng.

Câu 11: Các loài động vật nào sau đây thuộc loài động vật di cư?

A. Gấu trắng Bắc Cực.

B. Vượn cáo nhiệt đới.

C. Các loài chim.

D. Thú túi châu Phi.

Câu 12: Ở đới nào sau đây thiên nhiên thay đổi theo bốn mùa rõ nét nhất?

A. Nhiệt đới.

B. Cận nhiệt đới.

C. Ôn đới.

D. Hàn đới.

Câu 13: Những loài thực vật tiêu biểu ở miền cực có khí hậu lạnh giá là

A. cây lá kim.

B. cây lá cứng.

C. rêu, địa y.

D. sồi, dẻ, lim.

Câu 14: Trong vùng ôn đới chủ yếu có các kiểu thảm thực vật nào sau đây?

A. Rừng lá kim, thảo nguyên, rừng cận nhiệt ẩm và cây bụi.

B. Rừng lá kim, rừng lá rộng và rừng hỗn hợp, thảo nguyên.

C. Thảo nguyên, rừng cận nhiệt ẩm, cây bụi lá cứng cận nhiệt.

D. Rừng lá rộng và rừng hỗn hợp, thảo nguyên, hoang mạc.

Câu 15: Rừng nhiệt đới phân bố chủ yếu ở

A. vùng cận cực.

B. vùng ôn đới.

C. hai bên chí tuyến.

D. hai bên xích đạo.

Câu 16: Khu vực nào sau đây có rừng nhiệt đới điển hình nhất trên thế giới?

A. Việt Nam.

B. Công-gô.

C. A-ma-dôn.

D. Bắc Mỹ.

Câu 17: Cảnh quan ở đới nóng thay đổi chủ yếu phụ thuộc vào

- A. vị trí địa lí.
- B. dạng địa hình.
- C. chế độ gió.
- D. chế độ mưa.

Câu 18: Rừng nào sau đây được mệnh danh là “lá phổi xanh” của Trái Đất?

- A. Rừng cận nhiệt đới.
- B. Rừng ôn đới.
- C. Rừng nhiệt đới.
- D. Rừng lá kim.

Câu 19: Năm 2018 dân số thế giới khoảng

- A. 6,7 tỉ người.
- B. 7,2 tỉ người.
- C. 7,6 tỉ người.
- D. 6,9 tỉ người.

Câu 20: Ở châu Á, dân cư tập trung đông ở khu vực nào sau đây?

- A. Tây Á.
- B. Trung Á.
- C. Bắc Á.
- D. Đông Á.

Câu 21: Những khu vực nào sau đây tập trung đông dân nhất trên thế giới?

- A. Bắc Á, Bắc Phi, Đông Bắc Hoa Kỳ.
- B. Đông Âu, Đông Nam Á, Nam Mỹ.
- C. Nam Á, Bắc Á, Tây Nam Á, Tây Âu.
- D. Nam Á, Đông Á, Đông Bắc Hoa Kỳ.

Câu 22: Châu lục nào sau đây tập trung đông dân nhất thế giới?

- A. Châu Á.
- B. Châu Âu.
- C. Châu Mỹ.
- D. Châu Phi.

Câu 23: Dân cư thường tập trung đông ở khu vực nào sau đây?

- A. Miền núi, mỏ khoáng sản.
- B. Vùng đồng bằng, ven biển.
- C. Các thung lũng, hẻm vực.
- D. Các ốc đảo và cao nguyên.

Câu 24: Khu vực nào sau đây có dân cư thưa thớt?

- A. Nam Á.
- B. Tây Âu.
- C. Bắc Á.
- D. Bra-xin.

Câu 25: Dân cư phân bố thưa thớt ở những khu vực nào sau đây?

- A. Các trục giao thông.
- B. Đồng bằng, trung du.
- C. Ven biển, ven sông.
- D. Hoang mạc, hải đảo.

Câu 26: Tình hình phân bố dân cư của một địa phương, một nước được thể hiện qua:

- A. Mật độ dân số.
- B. Tổng số dân.
- C. Gia tăng tự nhiên.
- D. Tháp dân số.

Câu 27: Châu lục nào sau đây tập trung nhiều siêu đô thị nhất trên thế giới?

- A. Châu Âu. B. Châu Á.
C. Châu Mỹ. D. Châu Phi.

Câu 28: Siêu đô thị Bắc Kinh thuộc quốc gia nào dưới đây?

- A. Nhật Bản. B. Trung Quốc.
C. Hàn Quốc. D. Triều Tiên.

Câu 29: Ở trên thế giới tỉ lệ người sống trong các đô thị:

- A. Tăng dần. B. Khó xác định.
C. Giảm dần. D. Không thay đổi.

Câu 30: Siêu đô thị nào sau đây **không** thuộc châu Á?

- A. Cai-rô. B. Niu Đê-li.
C. Tô-ky-ô. D. Mum-bai.

B. PHÂN MÔN LỊCH SỬ

I. Nội dung ôn tập

- Bài 13: Nước Âu Lạc
- Bài 14: Chính sách cai trị của các triều đại phong kiến phương Bắc và chuyển biến kinh tế, xã hội, văn hóa của VN thời Bắc thuộc.
- Bài 15: Các cuộc khởi nghĩa tiêu biểu giành độc lập, tự chủ (từ đầu Công nguyên đến trước thế kỉ X).

II. Câu hỏi trắc nghiệm:

Câu 1. Nhà nước Âu Lạc do ai lập ra?

- A. Hùng Vương B. Hai Bà Trưng C. Bà Triệu D. Thục Phán

Câu 2. Dưới thời Bắc thuộc các triều đại phong kiến phương Bắc thực hiện chính sách bóc lột về kinh tế đối với người Việt như thế nào?

- A. Thu mua lương thực, lâm sản, hương liệu quý
B. Thu tô thuế, bắt cống nạp sản vật, nắm độc quyền về lúa gạo
C. Thu tô thuế, bắt cống nạp sản vật, nắm độc quyền về sắt và muối
D. Vơ vét sản vật, bắt dân đi lao dịch, nắm độc quyền buôn bán rượu.

Câu 3. Nội dung nào dưới đây phản ánh đúng chính sách cai trị về chính trị của các triều đại phong kiến phương Bắc đối với người Việt thời Bắc thuộc?

- A. Cướp đoạt ruộng đất của người Việt để lập thành các ấp, trại.
B. Áp đặt tô thuế nặng nề, bắt người Việt cống nạp nhiều sản vật quý.
C. Bắt người Việt tuân theo các phong tục, lễ nghi của người Trung Hoa.
D. Chia Việt Nam thành các quận, huyện và sáp nhập vào lãnh thổ Trung Quốc.

Câu 4. Nguyên nhân dẫn đến sự sụp đổ của nhà nước Âu Lạc?

- A. Nước Âu Lạc không xây đắp được thành lũy kiên cố.
B. Nước Âu Lạc không có quân đội, vũ khí chiến đấu thô sơ, lạc hậu.
C. Cuộc chiến đấu chống xâm lược không nhận được sự ủng hộ của nhân dân.
D. An Dương Vương chủ quan, thiếu cảnh giác; nội bộ nước Âu Lạc bị chia rẽ.

Câu 5. Nhà Hán chia nước ta thành ba quận: Giao Chỉ, Cửu Chân, Nhật Nam gộp với các quận ở nam Trung Quốc được gọi là:

- A. Châu Giao. B. Giao Châu.
C. An Nam đô hộ phủ. D. Phủ đô hộ.

Câu 6. Nhà Đường chia nước ta thành nhiều châu, trực thuộc

- A. An Bắc đô hộ phủ.

- B. An Nam đô hộ phủ.
- C. An Tây đô hộ phủ.
- D. An Đông đô hộ phủ.

Câu 7. Chính sách cai trị của các triều đại phong kiến phương Bắc đối với nhân dân ta nhằm mục đích gì?

- A. Đồng hoá dân tộc.
- B. Biến nước ta thành một quận, huyện của Trung Quốc.
- C. Bóc lột nhân dân ta.
- D. Đáp án A và B đúng.

Câu 8. Nước Âu Lạc tồn tại trong khoảng thời gian nào?

- A. Thế kỉ III TCN đến năm 43.
- B. Từ năm 208 TCN đến năm 43.
- C. Từ thế kỉ VII TCN đến năm 179 TCN.
- D. Từ năm 208 TCN đến năm 179 TCN.

Câu 9. Địa danh nào dưới đây không phải là trị sở của các triều đại phong kiến phương Bắc trong thời kì Bắc thuộc?

- A. Thành Luy Lâu.
- B. Thành Cổ Loa.
- C. Thành Tống Bình.
- D. Thành Đại La.

Câu 10. Ý nào dưới đây không phản ánh đúng chính sách đồng hoá dân tộc của các triều đại phong kiến phương Bắc?

- A. Đưa người Hán sang ở lẫn với người Việt, bắt người Việt theo phong tục, tập quán của người Hán.
- B. Tìm cách xoá bỏ các tập tục lâu đời của người Việt.
- C. Du nhập chữ Hán và tư tưởng Nho giáo vào nước ta.
- D. Mở nhiều trường học để dạy cho người Việt.

Câu 11. Nghề thủ công mới nào xuất hiện ở nước ta trong thời kì Bắc thuộc?

- A. Nghề rèn sắt.
- B. Nghề đúc đồng.
- C. Nghề làm giấy.
- D. Nghề làm gốm.

Câu 12. Tôn giáo nào không được du nhập vào nước ta từ thời Bắc thuộc?

- A. Phật giáo
- B. Nho giáo
- C. Đạo giáo
- D. Hồi giáo

Câu 13. Vì sao nhà Hán giữ độc quyền đồ sắt?

- A. Hỗ trợ đắc lực cho chính sách bành trướng.
- B. Nhà Hán không có nhiều lợi nhuận trong khai thác mỏ.
- C. Sử dụng đồ sắt được cho là không cần thiết.
- D. Hạn chế những cuộc chống đối của nhân dân

Câu 14. Nỏ Liên Châu là vũ khí đặc sắc của nước Âu Lạc. Tương truyền nỏ Liên Châu là do vị tướng nào của An Dương Vương chế tạo:

- A. Vũ Đình Thanh
- B. Trịnh Vân Yên
- C. Trần Đại Nghĩa
- D. Cao Lỗ

Câu 15. Sau khi lên ngôi, An Dương Vương đã dời đô về:

- A. Phong Châu (Phú Thọ).
- B. Phong Khê (Đông Anh, Hà Nội).
- C. Phú Xuân (Huế).
- D. Hoa Lư (Ninh Bình).

Câu 16. Nội dung nào dưới đây phản ánh đúng tình hình quân sự - quốc phòng của nhà nước Âu Lạc?

- A. Chưa có quân đội.
- B. Chia quân đội thành quân triều đình và quân ở các lộ.
- C. Lực lượng quân đội khá đông, vũ khí có nhiều cải tiến.
- D. Tổ chức quân đội theo chế độ “ngụ binh ư nông”.

Câu 17. Thời kì An Dương Vương gắn với câu chuyện nổi tiếng nào trong lịch sử dân tộc?

- A. Thánh Gióng.
- B. Mị Châu – Trọng Thủy.
- C. Âu Cơ – Lạc Long Quân.
- D. Bánh chưng – bánh giầy.

Câu 18. Mâu thuẫn bao trùm xã hội Việt Nam thời kì Bắc thuộc là mâu thuẫn giữa:

- A. người Việt với chính quyền đô hộ.
- B. nô tì với địa chủ, hào trưởng.
- C. nông dân lệ thuộc với hào trưởng.
- D. nô tì với quan lại đô hộ phương Bắc

Câu 19. Nội dung nào dưới đây phản ánh đúng chính sách cai trị về chính trị của các triều đại phong kiến phương Bắc ở Việt Nam thời Bắc thuộc?

- A. Vơ vét tài nguyên thiên nhiên, bóc lột nhân dân Việt Nam.
- B. Bắt người Việt tuân theo các phong tục, tập quán của Trung Quốc.
- C. Cử quan lại người Hán tới cai trị, áp dụng luật pháp hà khắc.
- D. Để cho nhân dân Việt Nam được hưởng quy chế tự trị.

Câu 20. Các triều đại phong kiến phương Bắc bắt nhân dân Việt Nam phải thay đổi phong tục theo người Hán nhằm mục đích gì?

- A. Bảo tồn tinh hoa văn hóa phương Đông.
- B. Khai hóa văn minh cho người Việt.
- C. Nô dịch, đồng hóa người Việt về văn hóa.
- D. Mở mang dân trí, trình độ hiểu biết cho người Việt.

Câu 21. Dưới thời thuộc Hán, viên quan đứng đầu chính quyền đô hộ cấp quận được gọi là:

- A. Tiết độ sứ.
- B. Thái thú.
- C. Thứ sử.
- D. Hào trưởng.

Câu 22. Dưới thời thuộc Hán, viên quan đứng đầu chính quyền đô hộ cấp châu được gọi là:

- A. Tiết độ sứ.
- B. Thái thú.
- C. Thứ sử.
- D. Hào trưởng.

Câu 23. Địa danh nào dưới đây là trị sở của chính quyền đô hộ nhà Hán trong các thế kỉ đầu thời Bắc thuộc?

- A. Thành Cổ Loa.
- B. Thành Luy Lâu.
- C. Thành Vạn An.
- D. Thành Phú Xuân.

Câu 24. Các triều đại phong kiến phương Bắc bắt người Việt phải thay đổi phong tục theo người Hán nhằm mục đích gì?

- A. Khai hóa văn minh cho người Việt.
- B. Nô dịch, đồng hóa người Việt về văn hóa.
- C. Bảo tồn và phát triển văn hóa của người Việt.
- D. Sáp nhập lãnh thổ Việt Nam và lãnh thổ Trung Quốc.

Câu 25. Đặc điểm nổi bật của tình hình Việt Nam từ năm 179 TCN đến thế kỉ X là gì?

- A. Bị các triều đại phong kiến phương Bắc đô hộ
- B. Nhà nước Văn Lang ra đời và bước đầu phát triển.
- C. Văn Lang trở thành quốc gia hùng mạnh nhất Đông Nam Á.
- D. Chế độ phong kiến bước vào giai đoạn phát triển toàn thịnh.

Câu 26. Ý nào dưới đây phản ánh *không đúng* chính sách cai trị về kinh tế của các triều đại phong kiến phương Bắc?

- A. Nắm độc quyền về sắt và muối.
- B. Áp đặt chính sách tô, thuế nặng nề.
- C. Áp dụng các kĩ thuật canh tác mới trong nông nghiệp.
- D. Bắt người Việt cống nạp các sản vật quý.

Câu 27. Mục tiêu chung của các cuộc khởi nghĩa do người Việt phát động trong thời Bắc thuộc là giành:

- A. quyền dân sinh
- B. chức Tiết độ sứ
- C. độc lập dân tộc
- D. độc lập, tự chủ

Câu 28. Cuộc khởi nghĩa đầu tiên bùng nổ trong thời Bắc thuộc do ai lãnh đạo?

- A. Bà Triệu
- B. Hai Bà Trưng
- C. Lý Bí
- D. Mai Thúc Loan

Câu 29. Kết quả lớn nhất của cuộc khởi nghĩa Hai Bà Trưng là:

- A. Lật đổ ách cai trị của nhà Hán, giành được độc lập, tự chủ.
- B. Quân Tô Định phải rút chạy về nước.
- C. Trưng Trắc lên làm vua, đóng đô ở Mê Linh.
- D. Đánh tan quân của Mã Viện.

Câu 30. Sự ra đời nước Vạn Xuân gắn liền với cuộc khởi nghĩa của

- A. Hai Bà Trưng
- B. Lý Bí
- C. Mai Thúc Loan
- D. Phùng Hưng